

# Tổ chức giáo dục Du lịch xanh cho sinh viên Trường Du lịch – Đại học Huế

Cao Thị Hoa\*

ThS. Khoa Địa lý, Trường ĐH Sư phạm, Đại học Huế

Received: 26/11/2022; Accepted: 01/12/2022; Published: 05/12/2022

**Abstract:** For the purpose of assessing the current state of green tourism propaganda and education for students at higher education institutions with tourism training under Hue University. The research team conducted a survey to collect opinions of 150 students from 2 departments of Tourism Management and Hotel and Restaurant Management of the School of Tourism - Hue University. The research results have analyzed and assessed the current situations of views, perceptions, current status of document compilation, model building as well as aspirations of students related to green tourism education and propaganda activities. The analysis and comparison can correlate the perception of the current state of green tourism communication education between the two department, between the students of the classes and analyze the correlation between survey content. This will be a basic science to output the solution in order to improve the effectiveness of green tourism education and communication at the School of Tourism in the near future.

**Keywords:** Green tourism education, School of Tourism - Hue University.

## 1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, du lịch xanh (DLX) đã trở thành xu hướng của ngành công nghiệp không khói ở nhiều nước trên thế giới, bởi nó có vai trò to lớn trong duy trì, khôi phục đa dạng sinh học, văn hóa cộng đồng và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hoạt động du lịch (DL), giáo dục DL còn tồn tại một số vấn đề khiến cho DLX chưa được phát triển, cụ thể: phát triển DL chưa gắn với khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên, hiệu suất sử dụng tài nguyên thấp; phát triển DL chưa gắn kết chặt chẽ với bảo vệ môi trường; phát triển DL chưa tính đến biến đổi khí hậu... Số lượng các điểm DL phát triển quá nhanh đã gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường. Ngày càng có nhiều cơ sở lưu trú, dịch vụ DL xây dựng trên các đảo không theo quy hoạch, đã làm tăng nguy cơ xói mòn đường bờ biển, làm suy thoái hệ sinh thái biển đảo... Giáo dục DLX vẫn còn nhiều tranh luận diễn ra xung quanh các vấn đề như: Đối tượng cần được GD&ĐT; nội dung chuyên tải; cách thức thực hiện... vẫn chưa được kết luận. Điều này là do DL có thể chạm vào mọi cấp độ, các lợi ích xã hội và các lĩnh vực kinh tế hơn bất kỳ ngành nào khác.

Trường Du lịch - Đại học Huế là một đơn vị thuộc Đại học Huế, là cơ sở giáo dục đại học có chức năng đào tạo về DL cho SV, việc nghiên cứu “*Thực trạng giáo dục DLX cho sinh viên Trường Du lịch - Đại học*

*Huế*” có ý nghĩa trong việc đánh giá thực trạng, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền DLX trong thời gian tới ở cơ sở này.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Dữ liệu sử dụng và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1.1. Dữ liệu sử dụng

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được lấy từ kết quả điều tra, khảo sát đối với 150 SV thuộc 2 khoa Quản lý lữ hành và khoa Quản trị khách sạn nhà hàng của Trường Du lịch – Đại học Huế. Đồng thời nhóm nghiên cứu tổng hợp có chọn lọc các báo cáo tổng kết công tác đào tạo hằng năm của Trường Du lịch nhằm củng cố thêm cơ sở khoa học cho việc phân tích hiện trạng giáo dục và tuyên truyền DLX tại trường.

#### 2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

##### \* Phương pháp xác định cỡ mẫu

Trường Du lịch - Đại học Huế hiện có 4100 SV theo học, do số lượng ít hơn 10000 và biết chính xác chính xác số lượng của tổng thể nghiên cứu là 4100 nên chúng tôi sử dụng PP Slovin (1984) để xác định cỡ mẫu với công thức Trong đó  $N$  = tổng thể mẫu;  $n$  = số lượng mẫu cần khảo sát;  $e$  = sai số cho phép. Nghiên cứu xác định sai số cho phép = 0.1 do đó số lượng mẫu cần khảo sát tối thiểu là 97 mẫu. Tuy nhiên để tăng tính chính xác và thuận tiện cho quá trình điều tra và xử lý số liệu nên tác giả tiến hành khảo sát với số lượng là 150 mẫu chia đều cho SV 3 khối lớp năm

2, năm 3 và năm 4 thuộc 2 khoa chủ chốt của trường.

*\* Phương pháp điều tra khảo sát*

Nhóm nghiên cứu xây dựng nội dung phiếu khảo sát gồm tổng số 86 câu hỏi với 7 phần: Phần 1 (P1): Quan điểm về giáo dục DLX tại các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo du lịch; Phần 2 (P2): Nhận thức về DLX, mô hình DLX, mô hình giáo dục DLX; Phần 3 (P3): Hiện trạng biên soạn hệ thống tài liệu về giáo dục DLX; Phần 4 (P4): Hiện trạng xây dựng mô hình giáo dục DLX; Phần 5 (P5): Hiện trạng tập huấn về giáo dục DLX; Phần 6 (P6): Hiện trạng tuyên truyền về giáo dục DLX; Phần 7 (P7): Nguyên vọng liên quan đến hoạt động tuyên truyền, giáo dục DLX. Các câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 4 mức độ và mã hóa bằng điểm với phương án 1 = Hoàn toàn đồng ý; 2 = Đồng ý; 3 = Không đồng ý; 4 = Phản đối.

*\* Phương pháp xử lý số liệu thống kê*

Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 22. Độ tin cậy của thang đo của dữ liệu khảo sát ở 7 phần được kiểm tra theo hệ số Cronbach's alpha. Điểm của mỗi phần (từ P1 đến P7) là điểm trung bình của các câu hỏi trong mỗi phần tương ứng. Kiểm tra phân phối chuẩn dữ liệu điểm của mỗi phần bằng hệ số Kolmogorov-Smirnov. So sánh sự khác biệt về giá trị điểm trung bình của 7 phần khảo sát giữa hai khoa (Quản lý lữ hành và khoa Quản trị khách sạn nhà hàng) và giữa SV các khối lớp (SV năm 2, năm 3 và năm 4) phụ thuộc vào phân phối dữ liệu điểm của các phần. Đối với dữ liệu phân phối chuẩn, tác giả sử dụng PP phân tích phương sai một yếu tố (One-Way ANOVA) với phép kiểm định Tukey; đối với dữ liệu không phân phối chuẩn tác giả dùng PP kiểm định Mann-Whitney cho dữ liệu của 2 khoa và PP kiểm định Kruskal-Wallis cho dữ liệu SV các khối lớp.

Đánh giá sự tương quan giữa các phần bằng PP phân tích tương quan. Đối với tất cả các biến (điểm của mỗi phần) theo phân phối chuẩn thì sử dụng hệ số tương quan Pearson, hệ số tương quan Spearman được sử dụng đối với biến không theo phân phối chuẩn. Phân loại mức độ tương quan: 0,90 đến 1,00 hoặc -0,90 đến -1,00 là tương quan rất mạnh; từ 0,70 đến 0,90 hoặc -0,70 đến -0,90 là tương quan mạnh; từ 0,50 đến 0,70 hoặc -0,50 đến -0,70 thể hiện tương quan vừa; từ 0,30 đến 0,50 hoặc -0,30 đến -0,50 phân ánh tương quan thấp; từ 0,00 đến 0,30 hoặc 0,00 đến -0,30 là tương quan không đáng kể.

**2.2. Thực trạng công tác giáo dục DLX cho SV Trường Du lịch - Đại học Huế**

Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo theo hệ số Cronbach's alpha cho thấy độ tin cậy dao động

ở mức cao từ 0.893 đến 0.958 (Bảng 2.1), điều này cho phép tiếp tục triển khai phân tích thống kê ở các phần sau. Kết quả kiểm định phân phối thể hiện, điểm của P2 theo phân phối chuẩn ( $p(\text{Kolmogorov-Smirnov}) > 0,05$ ) và các phần còn lại (P1, P3, P4, P5, P6, P7) không theo phân phối chuẩn ( $p(\text{Kolmogorov-Smirnov}) < 0,05$ ) (Bảng 2.1).

*Bảng 2.1: Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo theo hệ số Cronbach's alpha và kiểm định phân phối điểm của các phần khảo sát*

Các câu hỏi thuộc các phần	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7
Cronbach's alpha	0.893	0.908	0.909	0.958	0.949	0.950	0.910
p(Kolmogorov-Smirnov)	0.001	0.063	0.000	0.000	0.000	0.001	0.000

**2.2.1. Thực trạng công tác giáo dục DLX cho SV Trường Du lịch - ĐH Huế**

*\* Thực trạng chung*

Đa phần SV đều có quan điểm, nhận thức cũng như đánh giá tốt về công tác giáo dục, tuyên truyền DLX tại Trường Du lịch – Đại học Huế. Đa số SV đều nhận thức được DLX là loại hình tự nhiên, văn hoá, có giáo dục môi trường, đóng góp cho nỗ lực bảo tồn, phát triển bền vững và thu hút sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương, nhận thức được ở nước ta phát triển DL chưa gắn với khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên, chưa gắn kết chặt chẽ với hoạt động bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu. SV đều cho rằng tuyên truyền, giáo dục DLX là cần thiết.

Hiện trạng biên soạn hệ thống tài liệu và xây dựng mô hình giáo dục DLX đã được quan tâm thực hiện ở trường DL, nhà trường đã tổ chức biên soạn tài liệu, thiết kế mẫu một số hoạt động giáo dục DLX như tham quan, nghỉ dưỡng, DL thể thao, du lịch sinh thái, chiến dịch DLX...

Đa phần SV đều có nguyện vọng liên quan đến hoạt động tuyên truyền, giáo dục DLX, như: được cung cấp đầy đủ các tài liệu về cơ sở lý luận và thực tiễn về DLX; được đầu tư CSVC, kinh phí phục vụ tập huấn, tuyên truyền, giáo dục DLX; có hình thức động viên, khuyến khích các hoạt động liên quan đến tuyên truyền, giáo dục DLX.

*\* Nhận thức về công tác giáo dục DLX của SV các khoa*

Kết quả ở (Bảng 1) cho thấy điểm các phần P1, P3, P4, P5, P6, P7 không theo phân phối chuẩn nên khi so sánh giá trị trung bình tác giả sử dụng PP kiểm định Mann-Whitney cho dữ liệu của 2 khoa và sử dụng PP kiểm định Kruskal-Wallis cho dữ liệu của SV các khối lớp.

Riêng đối với điểm phần 2 (P2), theo phân phối chuẩn (Bảng 2.2) nên khi so sánh giá trị trung bình giữa hai khoa và giữa SV các khối lớp tác giả sử dụng PP phân tích phương sai (ANOVA) với phép kiểm định Tukey.

\* Nhận thức về công tác giáo dục DLX giữa SV các khối lớp

Bảng 2.2: So sánh giá trị điểm trung bình của các phần phân theo khối lớp

Sinh viên khối lớp	Điểm trung bình						
	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7
Năm 2	1.5626	1.5371	1.5918	1.5476	1.5411	1.4738	1.4797
Năm 3	1.7599	1.6747	1.7179	1.7527	1.8405	1.6805	1.6436
Năm 4	1.8160	1.6860	2.1151	2.1888	2.0635	2.1355	1.8952
p(ANOVA)	0.011	0.111	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000

Điểm trung bình các phần (P1, P3, P4, P5, P6, P7) giữa các khối lớp có ít nhất một cặp có sự khác nhau về mặt thống kê ( $p(\text{ANOVA}) < 0.05$ ). Ở phần 2 (P2), sự khác nhau không có ý nghĩa về mặt thống kê ( $p(\text{ANOVA}) > 0.05$ ) (Bảng 2.2), điều này thể hiện không có sự khác nhau về điểm trung bình ở mỗi phần khảo sát giữa các khối lớp năm 2, năm 3 và năm 4. Kết quả phân tích cụ thể sự khác nhau giữa các khối lớp đối với điểm trung bình của các phần P1, P3, P4, P5, P6 và P7 thể hiện ở bảng 2.3.

Bảng 2.3: Tương quan mức độ nhận thức giữa SV các khối lớp theo các phần

SV khối lớp	p(P1)	p(P3)	p(P4)	p(P5)	p(P6)	p(P7)
Năm 2 – Năm 3	0.85	0.507	0.062	<b>0.011</b>	<b>0.048</b>	0.069
Năm 2 – Năm 4	<b>0.019</b>	<b>0.000</b>	<b>0.000</b>	<b>0.000</b>	<b>0.000</b>	<b>0.000</b>
Năm 3 – Năm 4	1.8160	<b>0.027</b>	<b>0.019</b>	0.515	<b>0.010</b>	0.094

Xét giữa SV khối năm 2 và năm 3. Nhận thấy P1, P3, P4, P7 không có giá trị về mặt thống kê. Sự khác nhau chỉ nằm ở P5 và P6. Theo ý kiến của 1 số GV, do trong năm học vừa qua (2021-2022) nhà trường đã tổ chức một số hoạt động giáo dục có tích hợp nội dung giáo dục DLX cho khối SV năm 2, nên mức độ nhận thức của khối SV này khá hơn so với khối SV năm 3.

Xét giữa SV khối năm 3 và năm 4. Nhận thấy P1, P5, P7 không có giá trị về mặt thống kê. Sự khác nhau chỉ nằm ở P3, P4 và P6. Khối năm 4 là những SV cuối khóa, các em chuẩn bị ra trường. Những năm học trước nhà trường dường như chưa áp dụng hình thức tích hợp nội dung giáo dục DLX vào các học phần liên quan đến DL. Do đó việc đánh giá về mặt thực trạng xây dựng tài liệu, mô hình cũng như thực trạng hoạt động giáo dục tuyên truyền về DLX SV đều đánh giá ở mức thấp hơn SV năm 3.

Xét giữa SV khối năm 2 và năm 4. Tất cả các phần đều có giá trị về mặt thống kê ( $p(\text{ANOVA}) < 0.05$ ). Đa phần SV năm 2 đều cho rằng vấn đề giáo dục DLX

là quan trọng, là cần thiết. SV cho rằng hiện nay nhà trường cũng đã biên soạn hệ thống tài liệu, xây dựng mô hình giáo dục DLX, tập huấn giáo dục DLX... và các em cũng đều có mong muốn, nguyện vọng liên quan đến hoạt động tuyên truyền, giáo dục DLX. Trong khi đó những nội dung này SV khối năm 4 đánh giá thấp hơn. Nguyên nhân được đề cập khi so sánh giữa SV năm 3 và năm 4. Ngoài ra, khi lấy ý kiến từ một số GV trong khoa, do tính chất của SV năm 4 sắp ra trường, mong muốn sớm tốt nghiệp và tìm được việc làm ổn định, các em cũng không thật sự mong muốn được tham gia công tác giáo dục tuyên truyền DLX trong SV.

### 3. Kết luận

Giáo dục DLX đã và đang trở nên phổ biến trong giáo dục ở bậc đại học. Qua nghiên cứu thực tế tại Trường Du Lịch – Đại học Huế cho thấy: SV đã có quan điểm, nhận thức đúng đắn về vai trò của hoạt động giáo dục tuyên truyền DLX trong trường đại học. Đa phần SV đều có nguyện vọng được tham gia các hoạt động này. Nhà trường cũng đã quan tâm chỉ đạo công tác biên soạn tài liệu, xây dựng mô hình và tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn các kiến thức liên quan đến DLX cho SV.

Ngoài việc đánh giá thực trạng giáo dục DLX thông qua điều tra khảo sát SV, cần tiến hành điều tra, khảo sát và phỏng vấn sâu đối với các GV và cán bộ quản lý để có kết quả khách quan hơn, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phát triển hoạt động giáo dục, tuyên truyền về DLX trong thời gian tới.

### Tài liệu tham khảo

- Phan Thị Dang (2015), *Khảo sát mức độ hài lòng của du khách nội địa tại một số điểm du lịch sinh thái ở đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí khoa học Trường ĐH Cần Thơ.
- Hinkle, D. E., Wiersma, W., & Jurs, S. G. (2003). *Applied statistics for the behavioral sciences (Vol. 663)*. Houghton Mifflin College Division.
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS – tập 1 và 2*, NXB Hồng Đức. Thanh Hóa
- Trần Hữu Tuấn, Nguyễn Thị Thanh Nga, Hoàng Thị Mộng Liên, Lê Thanh Minh, Nguyễn Bùi Anh Thư, Trần Thị Nhung (2020), *Phát triển du lịch giáo dục ở Thừa Thiên Huế*, Tạp chí Khoa học - Đại học Huế: ISSN 2588 - 1213, Tập 128.
- Nguyễn Hoàng Sơn và nmk (2022), *Xây dựng và phát triển giáo dục du lịch xanh tại các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo về du lịch*. Nhiệm vụ trọng điểm về bảo vệ môi trường - Bộ Giáo dục & Đào tạo. Mã số: B2022-DHH-01-MT.TĐ. Hà Nội